

Phát triển lao động kỹ thuật ở Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa

MAC VĂN TIẾN

1- Toàn cầu hóa và những vấn đề phát triển nguồn nhân lực ở Việt Nam

Toàn cầu hóa kinh tế dù còn nhiều cách nhìn, cách đánh giá khác nhau, nhưng đang là xu thế khách quan, ảnh hưởng đến tất cả các nền kinh tế trên thế giới, đặc biệt là đối với các nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam.

Trước hết, toàn cầu hóa thúc đẩy mạnh mẽ lực lượng sản xuất của thế giới nói chung và của các nước đang phát triển nói riêng có điều kiện phát triển. Nhờ có toàn cầu hóa với những đặc trưng như tự do hóa thương mại, tự do hóa đầu tư, tự do hóa tiền tệ và tài chính... nên đã tạo ra "dòng chảy" về vốn và công nghệ, dịch vụ từ các nước phát triển vào các nước đang phát triển và xu hướng này ngày càng gia tăng. Trong vòng 10 năm gần đây vốn đầu tư từ các nước phát triển vào các nước đang phát triển tăng lên gấp 2 lần (tính theo tỷ lệ GDP). Ở Trung Quốc, trong 3 năm 1993-1995 đã nhận được 110 tỷ USD; vốn đầu tư nước ngoài (FDI) chiếm khoảng 20% tổng đầu tư của cả nước. FDI cung cấp 34,7% đầu tư cho hàng xuất khẩu và 28,7% đầu tư cho công nghiệp của Trung Quốc. Điều này cho thấy, những nước đang phát triển bứt lên được về kinh tế là những nước đã tận dụng được các cơ hội và thu hút được đầu tư nước ngoài. Để sử dụng có hiệu quả nguồn đầu tư nước ngoài, các nước đang phát triển bắt buộc phải nâng cao trình độ nhân lực, đổi mới công nghệ, cải tiến phương thức quản lý, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, tăng năng suất lao động xã hội. Như vậy, có thể nói toàn cầu hóa đã tạo điều kiện cho lực lượng sản xuất của các nước đang phát triển được phát triển mạnh mẽ.

Thứ hai, toàn cầu hóa tạo điều kiện cho các nước đang phát triển khai thác mọi nguồn lực trong và ngoài nước để phát triển.

Toàn cầu hóa cho phép các nước đang phát triển tham gia ngày càng nhiều hơn vào các chế định quốc tế, nhờ vậy các quan hệ buôn bán, thương mại được mở rộng và tiếp thu những thành tựu mới nhất về khoa học và công nghệ để nâng cao năng lực của nền kinh tế. Đồng thời các nước đang phát triển cũng có điều kiện khai thác những thế mạnh riêng của mình, tham gia vào quá trình phân công lao động quốc tế theo hướng chuyên môn hóa. Toàn cầu hóa tạo ra cơ hội cho sự phát triển khả năng của mọi người lao động và tạo ra cơ hội cho các nước sử dụng tốt hơn tiềm năng nhân lực của mình cho phát triển kinh tế. Một số nước như Trung Quốc, Hàn Quốc, Singapo... phát triển nhanh và liên tục là biết khai thác cơ hội này của toàn cầu hóa....

Song song với những cơ hội mà toàn cầu hóa mang lại, quá trình này cũng tạo ra những thách thức không nhỏ đối với các nước đang phát triển. Ngoài việc nền kinh tế dễ bị ảnh hưởng của những biến động kinh tế thế giới, các nước đang phát triển phải chịu những sức ép rất lớn về sự phụ thuộc vào các nước lớn, phải chịu các "luật chơi" do các nước lớn đặt ra có lợi cho họ. Mặt khác, toàn cầu hóa còn có nguy cơ làm tăng khoảng cách giàu nghèo giữa các nhóm nước. Trong báo cáo "Phát triển con người" năm 1999 của UNDP đã chỉ rõ: "Các nước phát triển với số dân khoảng 1,2 tỷ người, chiếm 1/5 dân số thế giới nhưng chiếm 86% GDP toàn cầu, 4/5 thị trường xuất khẩu, 1/3 đầu tư trực tiếp nước ngoài và khống chế 75% hệ thống viễn thông thế giới. Trong khi đó, các nước nghèo cũng chiếm 1/5 dân số thế giới nhưng chỉ chiếm 1% mỗi lĩnh vực nêu trên". Tại Đại hội đặc biệt của Liên hợp quốc ở Gionevơ tháng 6 năm 2001 cũng nêu rõ: "Chênh lệch về thu

Mac Văn Tiến, TS. Bộ LĐ - TB và XH.

nhập bình quân đầu người của nước giàu nhất (Thụy Sĩ- 40800 USD) so với nước nghèo nhất (Etiopi: 100 USD) hiện nay là 408 lần, trong khi đó hồi đầu thế kỷ XX, sự chênh lệch này không quá 10 lần". Toàn cầu hóa cũng làm cho phân phối thu nhập giữa các nhóm dân cư ngay trong nội bộ một quốc gia có xu hướng tăng lên. Ngay tại Mỹ, nước được coi là giàu nhất thế giới vẫn có 12% số dân phải sống dưới mức nghèo khổ...

Trong xu thế đó, sự cạnh tranh giữa các quốc gia trong mọi lĩnh vực, đặc biệt là trong lĩnh vực kinh tế ngày càng quyết liệt hơn, gay gắt hơn và lợi thế về tài nguyên, vị trí địa lý sẽ không còn có ý nghĩa như trước mà vũ khí cạnh tranh có hiệu quả nhất chính là chất lượng nguồn nhân lực và việc sử dụng nguồn nhân lực tốt nhất. Do đó các nước ngày càng chú trọng đầu tư để phát triển nguồn nhân lực của nước mình. Chất lượng nguồn nhân lực được nâng lên (học vấn, kỹ năng nghề nghiệp và sức khỏe) là tiền đề thành công của các nước công nghiệp mới ở châu Á như Hàn Quốc, Singapo, Hồng Kông... Nhờ có sự đầu tư cho phát triển nguồn nhân lực mà nhiều nước chỉ trong một thời gian ngắn đã nhanh chóng trở thành nước công nghiệp phát triển. Sự đóng góp của trí thức đã ngày càng chiếm tỷ trọng cao trong GDP của các nước (chẳng hạn Mỹ gần 50%, Anh 45,8%, Pháp 45,1%...). Cũng với ý nghĩa đó nhiều nhà khoa học đã cho rằng muốn có sự phát triển phải có một lực lượng lao động được đào tạo phù hợp với sự phát triển các lĩnh vực khác nhau của nền kinh tế. Để phát triển trong tương lai, các nước đã tập trung đầu tư rất lớn cho giáo dục và đào tạo, cải cách hệ thống giáo dục đào tạo để đào tạo ra những công nhân trí thức có khả năng sáng tạo, phát minh hoặc ứng dụng công nghệ mới.

2- Phát triển lao động kỹ thuật ở Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa

Đối với các nước ASEAN, để thực hiện CNH-HDH, chính sách phát triển nguồn nhân lực, trong đó có chính sách giáo dục-đào tạo, được các nước quan tâm hàng đầu, được coi là quốc sách. Trong những năm vừa

qua sự tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ của các nước Đông Á nói chung và Đông Nam Á nói riêng, như Ngân hàng Thế giới (WB) đã nhận xét: "Một đặc điểm chung trong sự thành công của các nước này là các chính sách đều nhằm ổn định kinh tế vĩ mô, đầu tư cho nguồn nhân lực và hướng ngoại. Điều này hoàn toàn khác với những gì xảy ra ở hầu hết các khu vực phát triển khác". Như vậy đầu tư cho nguồn nhân lực, trong đó có đầu tư cho giáo dục - đào tạo là một trong những thành tố cơ bản tạo ra sự tăng trưởng kinh tế của ASEAN.

Như đã nêu trên, toàn cầu hóa kinh tế có ảnh hưởng (cả tích cực và tiêu cực) đến mọi nền kinh tế, trong đó có Việt Nam. Nhận thức được điều này, Đảng ta đã chủ trương chủ động hội nhập với kinh tế thế giới, tận dụng các cơ hội của toàn cầu hóa để phát triển đất nước. Đường lối phát triển kinh tế của đất nước trong 10 năm tới đã được Đại hội IX của Đảng khẳng định là: đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tạo nên tăng để đến năm 2010 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp. Đại Hội X của Đảng một lần nữa khẳng định: "*Sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển; tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại*". Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 2001 - 2010 đã xác định mục tiêu phát triển kinh tế của nước ta đến năm 2010 là GDP bình quân đầu người tăng gấp 2,1 lần so với năm 2001; tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm khoảng 7,5%-8,0%; đẩy nhanh quá trình đổi mới kỹ thuật, công nghệ trong sản xuất; mở rộng các khu công nghiệp, khu chế xuất, đưa nước ta trở thành một nước có trình độ kỹ thuật công nghệ ở mức trung bình tiên tiến so với các nước trong khu vực. Thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng của công nghiệp và dịch vụ, giảm tỷ trọng của nông nghiệp trong GDP; đồng thời điều chỉnh cơ cấu lao động để đến năm 2010 chỉ còn khoảng 50% lao động

* Báo cáo của BCH Trung ương khoá IX tại Đại hội Đảng lần thứ X, Báo Nhân dân, ngày 19-4-2006.

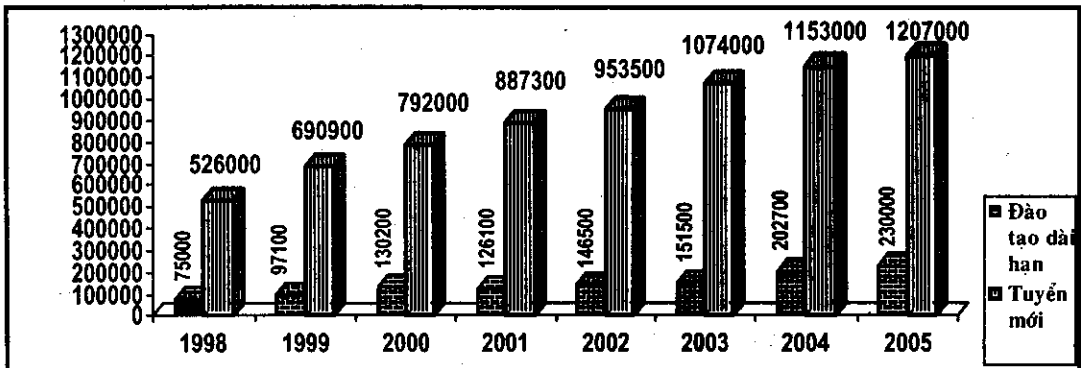
trong lĩnh vực nông nghiệp, 23 - 24% lao động trong lĩnh vực công nghiệp và xây dựng, 26 - 27% lao động trong lĩnh vực dịch vụ. Trong quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước, lực lượng lao động kỹ thuật là một trong những nhân tố có vai trò quyết định. Vì vậy, Đảng và Nhà nước ta coi việc đẩy mạnh phát triển đào tạo nghề là vị trí then chốt trong chiến lược phát triển nguồn nhân lực của quốc gia.

Đối với đào tạo nguồn nhân lực nói chung, đào tạo nghề nói riêng, mục tiêu phát triển cũng đã được xác định rõ trong Chiến lược phát triển kinh tế xã hội là: hiện đại hóa một số trường dạy nghề, tăng nhanh tỷ lệ lao động được đào tạo trong toàn bộ lao động xã hội, đạt 40% vào năm 2010.

Trong quá trình CNH-HĐH đất nước và thực hiện chủ trương hội nhập với thế giới thì một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu là phải có chiến lược phát triển nguồn nhân lực. Về vấn đề này, ngoài việc giàu tài nguyên thiên nhiên (một thành tố để phát triển kinh tế) chúng ta có nguồn nhân lực khá dồi dào. Tuy là một nước đang phát triển, nhưng Việt Nam được Liên hợp quốc đánh giá cao về chỉ số phát triển con người (chỉ số HDI của nước ta đạt 0,704, xếp thứ 108 trên 177 nước vào năm 2005, cao hơn nhiều nước trong khu vực, trong khi GDP bình quân đầu người của ta thấp hơn họ rất nhiều). Với 80 triệu dân, trong đó có trên 42

triệu lao động, Việt Nam được đánh giá là nước có nguồn lao động trẻ, có trình độ văn hóa và cần cù, thông minh, ham học hỏi, tiếp thu nhanh tiến bộ khoa học và công nghệ của thế giới. Đây là lợi thế so sánh rất có ý nghĩa của Việt Nam trong quá trình tham gia hội nhập kinh tế thế giới. Trong điều kiện kinh tế đang chuyển đổi, còn có nhiều lý thuyết và mô hình phát triển khác nhau, nhưng tất cả đều thừa nhận vai trò của nguồn nhân lực trong phát triển kinh tế với tư cách là chủ thể sáng tạo. Trong thời gian qua, Việt Nam đã chú trọng đến chính sách phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là chính sách giáo dục - đào tạo và được đánh giá là thành công so với một số nước trong khu vực. Đã hình thành và phát triển hệ thống đào tạo nguồn nhân lực từ các cơ sở đào tạo nghề đến các cơ sở đào tạo đại học và sau đại học với các hình thức và các hệ đào tạo khác nhau. Quy mô đào tạo nhân lực tăng nhanh, đặc biệt ở bậc cao đẳng, đại học và bậc dạy nghề. Từ năm 1995 đến năm 2005, quy mô đào tạo đại học tăng trên 2 lần và từ năm 1998 đến năm 2005 quy mô đào tạo nghề tăng 2,29 lần. Năm 2005 cả nước có gần 9 triệu người lao động qua đào tạo, trong đó qua đào tạo nghề là gần 5,6 triệu. Riêng đào tạo nghề, năm 2005 đã tuyển mới được 1.207.000 học sinh, tăng 52,40% so với năm 2000, trong đó đào tạo dài hạn là 230.000 người, tăng 76,65%. Quy mô tuyển sinh một số năm như sau:

Quy mô dạy nghề giai đoạn 1998-2005

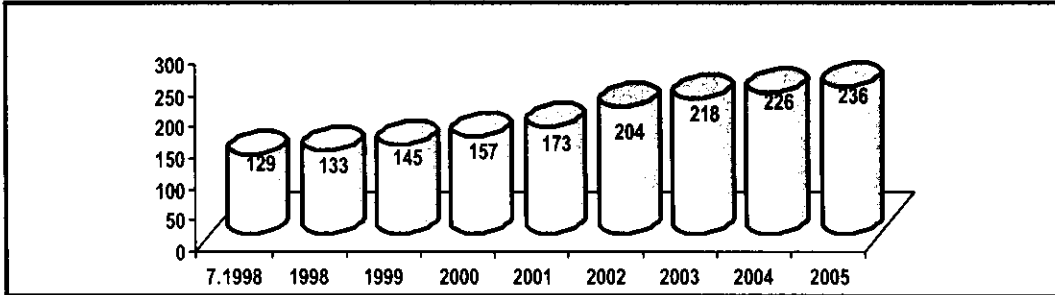


Mạng lưới các cơ sở dạy nghề đã được phủ khắp toàn quốc. Tính đến tháng 12 năm 2005, cả nước có 236 trường dạy nghề,

404 trung tâm dạy nghề, 212 trường trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học có tổ chức dạy nghề; trên 800 trung tâm giới

thiệu việc làm, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm kỹ thuật - tổng hợp hướng nghiệp và các lớp dạy nghề. Chỉ **Sự phát triển của các trường dạy nghề**

tính riêng các trường dạy nghề, năm 2005 đã tăng gấp 1,82 lần so với năm 1998. Cụ thể như sau:



Quy mô đào tạo nghề tăng nhanh đã góp phần khắc phục tình trạng “hình chóp ngược” trong cơ cấu đào tạo nhân lực của quốc gia. Chất lượng nguồn nhân lực từng bước được cải thiện thông qua các chỉ tiêu như trình độ văn hóa, trình độ chuyên môn kỹ thuật. Chất lượng đào tạo nghề cũng đã có những tiến bộ nhất định, góp phần nâng cao chất lượng của nguồn nhân lực chung của đất nước, góp phần vào sự tăng trưởng kinh tế. Ở một số ngành, chất lượng đào tạo nghề đã đáp ứng được yêu cầu của doanh nghiệp với công nghệ hiện đại. Một số trường dạy nghề đã có đủ điều kiện đào tạo được những công nhân kỹ thuật tương đương trình độ khu vực và thế giới. Ở một số nghề, lao động Việt Nam đã có thể đảm nhận được những công việc mà trước đây phải do chuyên gia và lao động kỹ thuật nước ngoài thực hiện. Mặt khác, đào tạo nghề đã gắn với giải quyết việc làm, với yêu cầu của thị trường lao động, góp phần giảm tỷ lệ thất nghiệp, đặc biệt là thất nghiệp cơ cấu do thay đổi công nghệ.

Tuy nhiên, nhìn tổng thể của nguồn nhân lực, quy mô đào tạo ở nước ta còn rất thấp, số lao động qua đào tạo mới chỉ chiếm khoảng 20% trong tổng số lao động. Chất lượng giáo dục- đào tạo nói chung và chất lượng đào tạo nghề nói riêng còn nhiều bất cập, nhất là cơ cấu đào tạo. Trình độ nhân lực chưa đáp ứng được những đòi hỏi ngày càng cao của thị trường lao động trong nước và quốc tế. Một bộ phận không nhỏ lao động nước ta vẫn còn có thói quen và tập quán của người sản xuất

nhỏ, chưa có ý thức và kỷ luật của lao động công nghiệp. Điều này sẽ ảnh hưởng không nhỏ tới sự tham gia của lao động Việt Nam trong việc phân công lao động quốc tế ngay tại thị trường trong nước (khi có sự tham gia của các doanh nghiệp liên doanh, của các công ty đa quốc gia...). Một số nghề, một số lĩnh vực, nhất là ở các khu công nghiệp tập trung nhu cầu về lao động kỹ thuật, đặc biệt là lao động trình độ cao rất lớn nhưng các cơ sở đào tạo chưa đáp ứng được.

Để thực hiện thành công sự nghiệp CNH, HDH, song song với việc chăm lo cải thiện mức sống dân cư, nâng cao thể chất của người dân nói chung và của người lao động nói riêng, chúng ta phải đầu tư cho giáo dục đào tạo nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Chiến lược phát triển giáo dục và Chiến lược phát triển nguồn nhân lực ở Việt Nam đã nêu các mục tiêu cơ bản là: nâng cao chất lượng toàn diện con người Việt Nam về chính trị, đạo đức, ý chí, tri thức, tay nghề, sức khỏe, thể lực. Sử dụng có hiệu quả đội ngũ lao động hiện có, nhất là số lao động đã qua đào tạo. Nâng tỷ lệ lao động được đào tạo lên gấp 2 lần hiện nay. Hình thành đội ngũ lao động chất lượng cao có cơ cấu và trình độ đáp ứng yêu cầu trong từng bước đi của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trong thời kỳ 2001 - 2010, chuẩn bị tiền đề về nhân lực cho giai đoạn phát triển tiếp theo. Phát triển nguồn nhân lực phải thực hiện đồng bộ từ đào tạo - tuyển dụng - sử dụng - bồi dưỡng - đãi ngộ và tạo môi trường phát triển, trong

đó giáo dục và đào tạo là tiên đề, là cơ sở để sử dụng và phát triển nguồn nhân lực có hiệu quả nhất. Phát triển nguồn nhân lực phải gắn kết chặt chẽ với nhu cầu sử dụng nhân lực trên thị trường lao động cả trên bình diện vĩ mô (toàn quốc) cũng như từng ngành, từng vùng kinh tế, chú trọng phát triển nhân lực có trình độ cao cho các ngành kinh tế mũi nhọn; đồng thời phải chú trọng phát triển nhân lực để công nghiệp hóa nông thôn và phát triển, mở rộng các ngành nghề mới trong nông thôn...

Trong hệ thống nhân lực, đội ngũ lao động được đào tạo nghề là một bộ phận có vị trí đặc biệt quan trọng. Trong chiến lược phát triển nguồn nhân lực, đào tạo nghề được coi là vấn đề then chốt, nhằm tạo ra đội ngũ công nhân kỹ thuật có trình độ chuyên môn, có kỹ năng và có bản lĩnh chính trị vững vàng phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa-hiện đại hóa đất nước.

Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng đã chỉ rõ: "Tiếp tục đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp giảng dạy và phương thức đào tạo đội ngũ lao động có chất lượng cao, đặc biệt là trong các ngành kinh tế, kỹ thuật mũi nhọn, công nghệ cao. Gắn việc hình thành các khu công nghiệp, khu công nghệ cao với hệ thống các trường đào tạo nghề. Phát triển nhanh và phân bố hợp lý hệ thống trường dạy nghề trên địa bàn cả nước, mở rộng các hình thức đào tạo nghề đa dạng, linh hoạt, năng động". Để thực hiện chủ trương và với mục tiêu nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt khoảng 26% vào năm 2010, nhằm góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp CNH, HĐH đất nước, một trong những giải pháp chính sách có tính đột phá là hình thành hệ thống đào tạo kỹ thuật thực hành với ba cấp trình độ (sơ cấp nghề, trung cấp nghề và cao đẳng nghề) như Luật Giáo dục 2005 quy định, liên thông giữa các trình độ đào tạo.

• *Phát triển hệ thống đào tạo nghề nêu trên, dựa trên những quan điểm chủ đạo, đó là:*

- *Phát triển giáo dục - đào tạo, trong đó có đào tạo nghề là quốc sách hàng đầu. Phát*

triển đào tạo nghề là nhiệm vụ quan trọng trong chiến lược phát triển nguồn nhân lực phục vụ CNH, HĐH, phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Vì vậy, cần có nhận thức đúng về vị trí, vai trò của đào tạo nghề và phải được thể hiện bằng các hoạt động cụ thể, toàn diện; bằng việc tăng cường đầu tư, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho phát triển đào tạo nghề; bằng việc thể chế hóa các chính sách về đào tạo nghề, đặc biệt là các chính sách đầu tư phát triển, chính sách thu hút, khuyến khích đối với người dạy, người học nghề.

- *Hệ thống đào tạo nghề phải được đổi mới một cách cơ bản và toàn diện để vừa có đủ năng lực đáp ứng nhu cầu lao động kỹ thuật cho sự nghiệp CNH, HĐH, vừa phổ cập nghề cho người lao động (đặc biệt là lao động nông nghiệp, nông thôn). Gắn đào tạo nghề với sản xuất - kinh doanh - dịch vụ, với các chương trình phát triển kinh tế xã hội trong từng thời kỳ và của từng ngành, từng vùng và từng địa phương. Đào tạo nghề phải xuất phát từ yêu cầu của sản xuất, gắn với tạo việc làm, giảm thất nghiệp và góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động, đặc biệt là chuyển dịch cơ cấu lao động nông nghiệp, nông thôn.*

- *Đào tạo nghề là sự nghiệp của toàn xã hội, do vậy toàn xã hội có trách nhiệm và tham gia vào quá trình phát triển đào tạo nghề. Đào tạo nghề đòi hỏi đầu tư và chi phí đào tạo lớn, vì vậy cùng với việc đẩy mạnh xã hội hóa, Nhà nước tăng cường đầu tư trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật, hiện đại hóa các cơ sở dạy nghề, đặc biệt là đối với các cơ sở dạy nghề cho những ngành nghề mũi nhọn, trọng yếu của nền kinh tế quốc dân, cho xuất khẩu lao động và chuyên gia, cho những vùng khó khăn. Khuyến khích các doanh nghiệp, mọi tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tham gia phát triển đào tạo nghề.*

- *Mở rộng qui mô đào tạo nghề đi đôi với việc chú trọng nâng cao chất lượng đào tạo theo hướng chuẩn hóa các điều kiện về đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, trang thiết bị, nội dung chương trình và chuẩn các trình độ đào tạo.*

- Đào tạo nghề góp phần phân luồng học sinh sau THCS và THPT và liên thông trong hệ thống giáo dục quốc dân.

• Định hướng phát triển đào tạo nghề đến năm 2010 là:

- Phát triển hệ thống cơ sở đào tạo nghề theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, bao gồm: cơ sở đào tạo nghề công lập, ngoài công lập và cơ sở đào tạo nghề thuộc các doanh nghiệp; chú trọng phát triển cơ sở đào tạo nghề ở các vùng nông thôn, miền núi. Phấn đấu đến năm 2010 mỗi tỉnh có ít nhất 1 trường dạy nghề, mỗi quận/huyện có ít nhất 1 trung tâm dạy nghề; một số quận/huyện có điều kiện sẽ được mở các trường dạy nghề. Khuyến khích phát triển cơ sở đào tạo nghề ngoài công lập, tại các doanh nghiệp và cơ sở đào tạo nghề có vốn đầu tư nước ngoài.

- Xây dựng và phát triển mạng lưới cơ sở đào tạo nghề theo hướng mở. Phát triển mạnh mẽ hệ thống đào tạo kỹ thuật thực hành để thực hiện đào tạo nghề theo 3 trình độ: sơ cấp nghề, trung cấp nghề và cao đẳng nghề; thực hiện liên thông giữa các cấp trình độ đào tạo nghề, liên thông giữa đào tạo nghề và các trình độ đào tạo khác trong hệ thống giáo dục quốc dân.

- Phát huy nội lực, huy động mọi nguồn lực để phát triển mạng lưới cơ sở đào tạo nghề và nâng cao năng lực đào tạo nghề cho người lao động. Tập trung đầu tư xây dựng, hiện đại hóa một số trường dạy nghề để đến năm 2010 có 40 trường dạy nghề chất lượng cao, trong đó có 3 trường (ở ba vùng kinh tế trọng điểm) đạt trình độ tiên tiến trong khu vực.

- Mở rộng qui mô và loại hình đào tạo phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động và nguyện vọng học tập suốt đời của người lao động; đồng thời với việc nâng cao chất lượng đào tạo nghề để cung cấp lực lượng lao động có chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ cho sự nghiệp CNH, HĐH của đất nước; gắn đào tạo nghề với nhu cầu sử dụng và với việc làm.

- Phát triển mạnh mẽ đào tạo nghề theo cả hai hướng: một là, đào tạo trọng điểm, tăng tỷ trọng đào tạo lao động lành nghề và trình độ cao trong tổng quy mô đào tạo nghề hàng năm, đáp ứng nhu cầu của các ngành kinh tế

mũi nhọn, các khu công nghiệp, khu chế xuất, xuất khẩu lao động và chuyên gia. Hai là, chú trọng phát triển đào tạo nghề ngắn hạn, đặc biệt là phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động và đáp ứng nhu cầu phổ cập nghề cho người lao động để tăng cơ hội tìm kiếm việc làm và tự tạo việc làm, góp phần xoá đói giảm nghèo.

- Thực hiện chuẩn hóa chương trình đào tạo, chuẩn hóa đội ngũ giáo viên, chuẩn hóa cơ sở đào tạo và chế độ kiểm định chất lượng đào tạo. Đến năm 2010 có 70% số trường dạy nghề đạt chuẩn qui định. Nâng tỷ lệ trung bình giáo viên trên số học sinh (đào tạo dài hạn) đạt tới 1/15 vào năm 2010; luân phiên bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên dạy nghề theo chu kỳ 5 năm/lần; nâng dần tỷ lệ giáo viên có trình độ sau đại học tại các trường dạy nghề, đặc biệt là ở các trường dạy nghề trình độ cao.

- Đổi mới mạnh mẽ cơ chế quản lý đào tạo nghề nói riêng và cơ chế quản lý giáo dục nói chung nhằm tạo ra bước đột phá trong lĩnh vực đào tạo nghề, đáp ứng được những đòi hỏi của sự nghiệp CNH, HĐH.

Hy vọng khi hệ thống đào tạo kỹ thuật thực hành được triển khai trong cuộc sống, hệ thống đào tạo nhân lực nói chung ở nước ta sẽ có sự đổi mới về cơ bản và hệ thống đào tạo nghề sẽ được thổi luồng sinh khí mới, góp phần đào tạo đội ngũ lao động kỹ thuật có kiến thức, có tay nghề cao phục vụ nhu cầu phát triển các ngành, các lĩnh vực của nền kinh tế, góp phần nâng cao khả năng cạnh tranh của nền kinh tế nước ta trong quá trình hội nhập kinh tế thế giới./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2010.
2. Quy hoạch mạng lưới trường dạy nghề 2002-2010.
3. GS.TS. Dương Phú Hiệp và TS. Vũ Văn Hà: Toàn cầu hóa kinh tế, Nxb Khoa học xã hội, 2001.
4. -TS. Nguyễn Bá Ngọc: Toàn cầu hóa - cơ hội và thách thức đối với lao động Việt Nam, Nxb Lao động-Xã hội, 2002.
5. PGS.TS. Đỗ Minh Cương- TS. Mạc Văn Tiến: Phát triển lao động kỹ thuật ở Việt Nam- Lý luận và thực tiễn, Nxb Lao động-Xã hội, 2004.
6. Trần Văn Tùng: Đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng nguồn nhân lực tài năng, Nxb Thế giới, 2005.